

Số: ~~2007~~/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Phạm Ngọc Liên
(địa chỉ: thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn,
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Theo phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Qua xem xét nội dung đơn khiếu nại ngày 10/10/2019 của ông Phạm Ngọc Liên; Báo cáo số 254/BC-TCTLN ngày 18/11/2021 của Tổ công tác liên ngành (theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và được kiện toàn tại Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 31/5/2021) và kết quả đối thoại ngày 01/11/2021, cho thấy quá trình diễn biến vụ việc như sau:

I. Nội dung khiếu nại

Ông Phạm Ngọc Liên khiếu nại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, vì cho rằng chồng lần toàn bộ lên tổng diện tích đất ông Liên đang sử dụng là **83.638m²**, gồm 13 thửa đất trên địa bàn xã Phổ Nhơn và xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ, cụ thể: (1) Thửa đất số 71, diện tích 32.289m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, địa danh xứ đồng ông Lành, xã Phổ Phong; (2) Thửa số 19, diện tích 2.895m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng Cơ Pa, xã Phổ Nhơn; (3) Thửa số 88, diện tích 3.025m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng Cây Gạo, xã Phổ Nhơn; (4) Thửa số 266, diện tích 3.521m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 4, địa danh xứ đồng Thanh Niên dưới, xã Phổ Nhơn; (5) Thửa 23, diện tích

1.212m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, địa danh xứ đồng ông Sương, xã Phở Nhon; (6) Thửa 46, diện tích 1.110m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, địa danh xứ đồng ông Xương, xã Phở Nhon; (7) Thửa số 16, diện tích 722m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng Cơ Pa, xã Phở Nhon; (8) Thửa số 195, diện tích 10.602m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng ông Vô, xã Phở Nhon; (9) Thửa số 65, diện tích 2.109m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng Cơ Pa, xã Phở Nhon; (10) Thửa số 101, diện tích 1.535m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng ông Thuộc, xã Phở Phong; (11) Thửa 58, diện tích 1.039m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng Ông Xương, xã Phở Nhon; (12) Thửa 59, diện tích 1.490m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, địa danh xứ đồng ông Xương, xã Phở Nhon; (13) Thửa số 70, diện tích 22.089m², tờ bản đồ số 1, địa danh xứ đồng ông Lành, xã Phở Phong.

Ông Phạm Ngọc Liên yêu cầu xem xét lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh và giải quyết cho gia đình ông được hưởng quyền lợi đối với 13 thửa đất theo quy định tại Điều 53, Điều 76, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và quy định khác liên quan đến thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

II. Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại

1. Đối với nội dung ông Phạm Ngọc Liên cho rằng gia đình ông đã tự khai hoang, canh tác các thửa đất (13 thửa đất) cho đến nay ổn định, không có tranh chấp.

Qua xác minh thì Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ (về sau là Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi và nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi) được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/12/1977. Năm 1990, UBND huyện Đức Phổ, UBND xã Phở Phong, xã Phở Nhon phối hợp với Nông trường 24/3 tiến hành cắm cột mốc ranh giới giữa các xã với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền ranh giới về đất đai. Sau đó, trong năm 1990 - 1991, Đoàn điều tra cơ bản của Ban quản lý đất đai tỉnh đã tiến hành đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho toàn bộ phần diện tích Nông trường 24/3 đang quản lý. Năm 1992, Nông trường 24/3 được chuyển giao về cho Sở Nông lâm nghiệp quản lý, sau đó được sáp nhập với Lâm trường Đức Phổ để thành lập Nông trường 24/3 Quảng Ngãi (tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Năm 2015, UBND tỉnh có Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty thì tổng diện tích đất là 709,44ha và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê diện tích 709,448ha, thời hạn thuê là 49 năm.

- Thực hiện Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng "về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trống, đồi núi

trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước”, ngày 18/10/1993, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UB phê duyệt thiết kế trồng cao su theo Dự án 327 vùng Tây Đức Phổ, với nội dung cơ bản: *Nhà nước hỗ trợ về vốn và dịch vụ kỹ thuật, các hộ được vận động đăng ký tham gia trồng cao su có đơn gửi UBND các xã xin nhận đất, nhận rừng.*

Ông Phạm Ngọc Liên là Công nhân Nông trường 24/3, có đơn ngày 18/12/1993 xin nhận đất, nhận rừng trồng cây cao su theo Dự án 327 với tổng diện tích đất là **3,45ha**, xã Phổ Phong (Theo Bản đồ địa chính khu đất lập năm 2020 là thửa đất số 71, diện tích 32.289m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1), được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 07851 ngày 25/10/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, sau này đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018. Ngày 25/9/1993, ông Phạm Ngọc Liên và Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 xác lập Hợp đồng kinh tế về việc trồng cao su theo Dự án 327 và có đơn gửi Kho bạc tỉnh Quảng Ngãi, Ban quản lý điều hành dự án Nông trường 24/3 xin vay vốn để sử dụng vào mục đích *khai hoang và trồng mới cây cao su năm 1993 và năm 1994 với diện tích 1,59 ha*, số tiền 11.059.621 đồng, giữa Ban quản lý Dự án 327 và ông Phạm Ngọc Liên xác lập Khế ước vay tiền.

Do trồng cây cao su không có hiệu quả nên ngày 19/3/2002, UBND tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo số 30/TB-UB về việc hủy toàn bộ diện tích cây cao su do các hộ công nhân nông trường và người dân thực hiện, khoan nợ vốn vay hoặc xóa nợ để chuyển qua trồng cây mía. Ngày 10/02/2003, Tổ kiểm kê lập Biên bản diện tích cây cao su bị thiệt hại của ông Phạm Ngọc Liên là **3,45ha**, số tiền đề nghị khoan nợ là 18.335.621 đồng. Khi chấm dứt dự án trồng cây cao su theo Dự án 327, UBND huyện Đức Phổ ban hành Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/04/2003 yêu cầu các hộ phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy ông Phạm Ngọc Liên không có đơn xin nhận đất trồng mía và cam kết trả nợ, không chấp hành đúng văn bản nêu trên, nhưng quá trình sử dụng, ông Liên có thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3. Khi chuyển sang trồng cây mía ông Liên có nộp sản lượng cho Nông trường từ năm 2005 đến tháng 02/2017.

- Diện tích đất Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao cho ông Phạm Ngọc Liên sản xuất lấy ngắn nuôi dài khi thực hiện Dự án 327 (còn gọi là đất thuần), gồm 05 thửa đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016, sau này chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 07/02/2018: ((2) Thửa số 19, diện tích 2.895m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07941; (3) Thửa số 88, diện tích 3.025m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07905; (4) Thửa số 266, diện tích 3.521m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 4, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07978; (5) Thửa 23, diện tích 1.212m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xã Phổ

Nhon, GCNQSDĐ CT 07969; (6) Thửa 46, diện tích 1.110m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 1, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ CT 07969), tổng diện tích 11.763m². Đất này do Nông trường 24/3 khai hoang trước năm 1993, khi có Dự án trồng cây cao su thì Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao diện tích này cho ông Phạm Ngọc Liên để tự sản xuất trong thời gian chờ thu hoạch mủ cao su. Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án trồng cây cao su (năm 2002) ông Liên vẫn tiếp tục canh tác và có nộp sản lượng cho Nông trường 24/3. Năm 2011, ông Liên có làm đơn xin giao khoán đối với các thửa đất này nhưng Công ty chưa hoàn thành thủ tục giao khoán. Riêng đối với các thửa đất lúa, ngày 29/9/2004, Nông trường 24/3 có Quyết định số 07/QĐ-NT phân hạng chia lại ruộng đất.

- Diện tích đất ông Phạm Ngọc Liên khai hoang, gồm 07 thửa, đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016, sau này chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 07/02/2018; trong đó, diện tích đất ông Liên phá bờ lô 05 thửa ((7) Thửa số 16, diện tích 722m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07941; (8) Thửa số 195, diện tích 10.602m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07956, GCNQSDĐ số CT 07963; (9) Thửa số 65, diện tích 2.109m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07965; (10) Thửa số 101, diện tích 1.535m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xã Phở Phong, GCNQSDĐ số CT07832; diện tích đất khai hoang để trồng lúa 02 thửa ((11) Thửa 58, diện tích 1.039m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ CT 07969; (12) Thửa 59, diện tích 1.490m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ CT 07969); (13) Thửa số 70, diện tích 22.089m², tờ bản đồ số 1, xã Phở Phong, GCNQSDĐ số CT 07816, số CT 07859, số CT 07851). Đây là diện tích đất thuộc phạm vi quản lý của Nông trường 24/3 để làm bờ chống cháy, đường đi trong quá trình sản xuất. Khi ông Phạm Ngọc Liên khai hoang Nông trường 24/3 trước đây cũng như về sau là Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn và cũng không báo chính quyền địa phương để xử lý. Đến ngày 16/7/2010, Công ty tổ chức họp và lập Biên bản có nội dung: “Nông trường 24/3 cũ trước đây kể từ khi thành lập năm 1977 đến nay không có chủ trương cho bất cứ một cá nhân nào khai hoang trên đất nông trường”. Mặt khác, ông Liên trình bày ông khai hoang đất từ năm 1985, nhưng ông không cung cấp được bất cứ giấy tờ nào theo quy định của pháp luật để chứng minh thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào năm 1985.

Qua kiểm tra thực tế, đối chiếu với điểm mốc xác định ranh giới giữa Công ty 24/3 và xã Phở Nhon, xã Phở Phong qua từng giai đoạn ((năm 1990 (Biên bản cắm mốc giới năm 1990), năm 2014 (Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định)) thì 13 thửa đất, có tổng diện tích 83.638m² mà ông Phạm Ngọc Liên đang canh tác đều nằm trong phạm vi ranh giới đất Nông trường 24/3 quản lý, sử

dụng trước đây và sau này là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

2. Đối với nội dung ông Phạm Ngọc Liên khiếu nại và yêu cầu xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi là hoàn toàn không có căn cứ. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh quyết định cho Công ty 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn với Nông trường để phân định thẩm quyền quản lý; đồng thời, tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty 24/3 cũng đã xác định diện tích "*quy hoạch quản lý, sử dụng đất sau khi sắp xếp*" của Công ty là 709,44ha. Căn cứ các quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định.

III. Kết quả đối thoại

Tại buổi đối thoại ngày 01/11/2021, các thành phần tham dự đều thống nhất về nội dung diễn biến vụ việc và kết quả báo cáo xác minh. Về phía người khiếu nại là ông Phạm Ngọc Liên đã được công khai toàn bộ kết quả xác minh, thể hiện rõ thông tin các mốc giới cắm năm 1990, 2014 xác định ranh giới diện tích đất do Nông trường 24/3 quản lý với các xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn, trong đó có phần diện tích của Ông đang khiếu nại. Đồng thời, cũng công khai toàn bộ nội dung các tài liệu liên quan đến khiếu nại của ông Liên. Tuy nhiên, ông Liên vẫn bảo vệ quan điểm yêu cầu giải quyết như trên.

IV. Kết luận

- Đối với diện tích đất ông Phạm Ngọc Liên nhận trồng cây cao su có Hợp đồng với Ban quản lý Dự án 327, thời gian sử dụng đất theo dự án trồng cây cao su. Sau Dự án kết thúc năm 2002, do không hiệu quả, diện tích đất cao su được chuyển sang trồng mía theo chủ trương của UBND tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 21/04/2003, UBND huyện Đức Phổ ban hành Thông báo số 32/TB-UB có nêu người dân nhận đất trồng cây cao su trước đây, nếu muốn tiếp tục sử dụng phải làm đơn xin nhận đất để trồng mía và cam kết trả nợ vay trồng cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ ông Phạm Ngọc Liên không có đơn như nội dung của Thông báo yêu cầu, nhưng quá trình sử dụng, ông vẫn thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 và nộp sản lượng cho

Nông trường; hơn nữa Ông có đơn xin giao khoán vào năm 2011. Từ đó cho thấy ông Liên đã biết và thừa nhận là đất của Nông trường (về sau là Công ty). Căn cứ tại Điều 101 Luật Đất đai; khoản 4, khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì thửa đất số 71, diện tích 32.289 m², tờ bản đồ 1, xã Phổ Nhơn không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc Liên.

- Đối với diện tích đất thuần Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 giao ông Phạm Ngọc Liên sản xuất: Đây là đất Nông trường 24/3 khai hoang trước năm 1993, Nông trường 24/3 giao gia đình ông Liên sử dụng để sản xuất trong khi chờ thu hoạch mủ cao su, không phải đất ông Liên tự khai hoang trước đây. Căn cứ khoản 4, 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì diện tích đất này (các thửa đất số: 19, diện tích 2.895 m²; 88, diện tích 3.025 m²; 266, diện tích 3.521 m²; 23, diện tích 1.212 m²; 46, diện tích 1.110 m²) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc Liên.

- Đối với diện tích đất ông Phạm Ngọc Liên khai hoang: Ông Liên cho rằng mình khai hoang năm 1985, nhưng qua làm việc nhiều lần Ông không có hồ sơ cung cấp chứng minh thời điểm khai hoang như trình bày; hơn nữa đây là khu vực đất Nông trường 24/3 quản lý để làm bờ lô, bờ thửa, chống cháy, giao thông, ... trong quá trình sản xuất, lẽ ra khi ông Liên khai hoang trái phép thì Nông trường phải có biện pháp xử lý theo quy định pháp luật nhưng lại không lập biên bản xử lý, từ đó dẫn đến ông Liên cho rằng khai hoang không vi phạm, sử dụng ổn định là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, Điều 6 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 15 Luật Đất đai năm 2003 thì việc ông Liên tự ý chiếm đất (khai hoang) là vi phạm luật đất đai (Điều 2 Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai), do vậy, các thửa đất số: 16, diện tích 722 m²; 195, diện tích 10.602 m²; 65, diện tích 2.109 m²; 101, diện tích 1.535 m²; 58, diện tích 1.039 m²; 59, diện tích 1.490 m²; 70, diện tích 22.089 m² không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Ngọc Liên.

- Đối với nội dung ông Phạm Ngọc Liên khiếu nại và yêu cầu xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi chồng lấn diện tích đất ông Liên đang sử dụng là hoàn toàn không có căn cứ và cũng vì vậy, khi đo đạc cũng không phải thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới

sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền quản lý; qua phân tích, đánh giá tại phần II Quyết định này thì 13 thửa đất này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phạm Ngọc Liên mà toàn bộ do Nông trường 24/3 quản lý; do vậy, việc UBND tỉnh cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi tại Quyết định số 152 là đúng quy định. Đồng thời, tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty 24/3 cũng đã xác định diện tích “*quy hoạch quản lý, sử dụng đất sau khi sắp xếp*” của Công ty là 709,44ha. Căn cứ các quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, toàn bộ khiếu nại, yêu cầu giải quyết cho gia đình ông Phạm Ngọc Liên được hưởng quyền lợi đối với 13 thửa đất theo quy định Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận khiếu nại của ông Phạm Ngọc Liên yêu cầu giải quyết cho gia đình ông được hưởng quyền lợi đối với 13 thửa đất, có tổng diện tích 83.638m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013; đồng thời, giữ nguyên nội dung Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi tại phần diện tích 83.638m² liên quan đến khiếu nại của ông Phạm Ngọc Liên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức công khai nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và giao Quyết định này cho ông Phạm Ngọc Liên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu ông Phạm Ngọc Liên không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng

Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Chủ tịch UBND các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và ông Phạm Ngọc Liên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Thường trực Thị ủy Đức Phổ;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: PCVP (TD), KTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NC991

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn